Biểu số: 09b/BTP/PBGDPL
Ban hành theo Thông tư số 03/2019/TT-BTP ngày 20/3/2019
Ngày nhận báo cáo (BC):
BC 6 tháng: Ngày 16 tháng 6 hàng năm
BC năm: Ngày 18 tháng 11 hàng năm
BC năm chính thức: Ngày 31 tháng 01 năm sau

TÌNH HÌNH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN
(6 tháng, năm)
Kỳ báo cáo: Kỳ báo cáo 6 tháng
(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021
đến ngày 31 tháng 05 năm 2021)

Đơn vị báo cáo:
- Phòng Tư pháp Huyện Cầu Ngang
Đơn vị nhận báo cáo:
- Sở Tư pháp Tỉnh Trà Vinh;
- Ủy ban nhân dân Huyện Cầu Ngang

	Số Tuyên truyền viên pháp luật cấp xã *(Người)*		**Số Báo cáo viên pháp luật cấp huyện** *(Người)*		**Kết quả hoạt động PBGDPL**									**Ghi chú**
					PBGDPL trực tiếp		**Thi tìm hiểu pháp luật**		**Số tài liệu PBGDPL được phát hành** *(Bản)*	**Kinh phí dành cho công tác PBGDPL** *(Đồng)*				
											Chia ra			
											Kinh phí NSNN			
	Tổng số	Trong đó: Số người tham gia phổ biến pháp luật trực tiếp	Tổng số	Trong đó, Số người tham gia phổ biến pháp luật trực tiếp	Số cuộc *(Cuộc)*	Số lượt người tham dự *(Lượt người)*	Số cuộc thi *(Cuộc)*	Số lượt người dự thi *(Lượt người)*		Tổng số kinh phí	Kinh phí NSNN phân bổ thường xuyên	Kinh phí NSNN cấp theo chương trình, đề án	Kinh phí từ nguồn hỗ trợ khác	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
Tổng số trên địa bàn huyện	198	183	16	16	3.169	144.935	0	0	370	176.180.000	176.180.000	0	0	
I. Tại cấp huyện			16	16	2.272	117.129				33.500.000	33.500.000	0	0	
II. Tại cấp xã	198	183	-	-	897	27.806	0	0	370	142.680.000	142.680.000	0	0	
1. Thị trấn Cầu Ngang	15	10	-	-	20	623	0	0	0	15.000.000	15.000.000			
2. Xã Hiệp Hòa	23	23			142	3.769	0	0	0	0	0	0	0	
3. Xã Hiệp Mỹ Đông	11	9			91	2.834	0	0	150	15.000.000	15.000.000	0	0	
4. Xã Hiệp Mỹ Tây	7	7			86	3.440	0	0	120	15.000.000	15.000.000	0	0	
5. Xã Kim Hòa	8	8			6	180	0	0	0	3.680.000	3.680.000	0		
6. Xã Long Sơn	15	15			10	326	0	0	0	25.000.000	25.000.000	0	0	

7. Xã Mỹ Hòa	17	9			139	4.035	0	0	0	0	0	0		
8. Thị trấn Mỹ Long	16	16			120	3.360	0	0	0	1.500.000	1.500.000			
9. Xã Mỹ Long Bắc	15	15			36	1.200	0	0	0	5.000.000	5.000.000	0	0	
10. Xã Mỹ Long Nam	15	15			28	778			100	0	0	0	0	
11. Xã Nhị Trường	10	10			4	840	0	0	0	10.000.000	10.000.000			
12. Xã Thạnh Hòa Sơn	6	6			29	725	0	0		15.000.000	15.000.000	0	0	
13. Xã Thuận Hòa	11	11			46	960	0	0	0	15.000.000	15.000.000	0	0	
14. Xã Trường Thọ	14	14			80	2.083	0		0	7.500.000	7.500.000	0	0	
15. Xã Vĩnh Kim	15	15			60	2.653	0	0	0	15.000.000	15.000.000			

Ghi chú

Ngày 14 tháng 6 năm 2021

Người lập biểu	**Người kiểm tra**	**TRƯỞNG PHÒNG**
(Ký, ghi rõ họ, tên)	*(Ký, ghi rõ họ, tên)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)*
		Lê Thanh Sơn